

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 10 năm 2021

ĐIỂM THI

PHẦN IV: ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VỀ
CÁC LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 10, TẠI ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỊNH HÓA

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Ma Thị Anh	01	28	7,0	Bảy	
2	Nông Đình Ánh	02	20	7,5	Bảy rưỡi	
3	Hoàng Văn Bảy	03	09	8,0	Tám	
4	Ma Doãn Biễn	04	39	7,5	Bảy rưỡi	
5	Bàng Văn Bình	05	38	7,0	Bảy	
6	Ma Thị Chinh	06	14	7,0	Bảy	
7	Hứa Đức Doanh	07	33	7,0	Bảy	
8	Lường Thị Kim Doanh	08	30	7,5	Bảy rưỡi	
9	Đinh Xuân Dương	09	21	7,0	Bảy	
10	Ma Khắc Đoàn	10	12	7,5	Bảy rưỡi	
11	Hứa Thị Đông	11	37	8,0	Tám	
12	Nguyễn Thùy Giang	12	32	8,0	Tám	
13	Vũ Thị Hà	13	41	7,5	Bảy rưỡi	
14	Nguyễn Thị Thanh Hải	14	48	8,0	Tám	
15	Hoàng Thị Hằng	15	13	7,5	Bảy rưỡi	
16	Trần Thị Hằng	16	24	8,0	Tám	
17	Lê Thị Hồng Hiên	17	17	7,5	Bảy rưỡi	
18	Ma Thị Hiền	18	16	7,5	Bảy rưỡi	
19	Vũ Thị Hiền	19	47	8,0	Tám	
20	Hà Thị Hoa	20	22	7,5	Bảy rưỡi	
21	Trần Thanh Hòa	21	46	7,5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
22	Nguyễn Thị Hoan	22	35	8,0	Tám	
23	Nguyễn Phúc Hoàn	23	29	7,5	Bảy rưỡi	
24	Dương Văn Học	24	25	7,5	Bảy rưỡi	
25	Ma Thị Hồng	25	04	7,0	Bảy	
26	Dương Văn Hợp	26	45	7,0	Bảy	
27	Lưu Thị Hồng Huệ	27	03	7,5	Bảy rưỡi	
28	Dương Quốc Hưng	28	44	7,0	Bảy	
29	Hoàng Thị Hương	29	43	7,0	Bảy	
30	Vũ Thị Thu Hương	30	11	8,0	Tám	
31	Hoàng Thị Hường	31	10	7,5	Bảy rưỡi	
32	Hà Thị Huyền	32	06	7,5	Bảy rưỡi	
33	Nguyễn Đình Huynh	33	05	7,5	Bảy rưỡi	
34	Ma Văn Khiêm	34	19	7,0	Bảy	
35	Hoàng Trọng Khiêm	35	34	7,5	Bảy rưỡi	
36	Chu Thị Loan	36	54	7,5	Bảy rưỡi	
37	Cung Thị Ly	37	40	7,5	Bảy rưỡi	
38	Ma Thị Lý	38	53	7,5	Bảy rưỡi	
39	Lương Văn Mạnh	39	18	7,0	Bảy	
40	Hoàng Ngọc Nam	40	52	7,0	Bảy	
41	Mông Thị Tuyết Nga	41	36	7,0	Bảy	
42	Phạm Thị Thanh Nga	42	08	8,0	Tám	
43	Ngô Thị Thanh Nga	43	23	7,5	Bảy rưỡi	
44	Ma Văn Nghị	44	51	7,0	Bảy	
45	Mã Thị Ngô	45	50	8,0	Tám	
46	Trần Thị Nguyệt	46	49	7,0	Bảy	
47	Lê Thị Hà Nguyên	47	60	7,5	Bảy rưỡi	
48	Nguyễn Sinh Nhã	48	59	7,5	Bảy rưỡi	
49	Lộc Đức Nhân	49	58	7,0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
50	Lê Thị Thu Oanh	50	57	7,5	Bảy rưỡi	
51	Triệu Văn Quốc	51	56	7,0	Bảy	
52	Đinh Thị Quý	52	55	7,0	Bảy	
53	Trần Thị Quỳnh	53	01	7,5	Bảy rưỡi	
54	Phan Thị Quỳnh	54	66	7,5	Bảy rưỡi	
55	Hứa Thị Sang	55	26	7,0	Bảy	
56	Trần Văn Sơn	56	65	7,0	Bảy	
57	Hoàng Ngọc Tân	57	64	7,0	Bảy	
58	Hoàng Văn Tăng	58	63	7,5	Bảy rưỡi	
59	Trần Văn Thanh	59	62	7,0	Bảy	
60	Ma Thị Thảo	60	27	7,0	Bảy	
61	Nguyễn Thị Thảo	61	31	7,5	Bảy rưỡi	
62	Trần Thị Phương Thảo	62	61	8,0	Tám	
63	La Thị Then	63	15	7,0	Bảy	
64	Hoàng Thị Thi	64	72	7,5	Bảy rưỡi	
65	Ma Văn Thuận	65	71	8,0	Tám	
66	Trần Văn Thư	66	70	7,0	Bảy	
67	Lý Văn Thư	67	69	7,0	Bảy	
68	Lê Thị Thúy	68	68	7,0	Bảy	
69	Hoàng Thị Thúy	69	67	7,5	Bảy rưỡi	
70	Ma Thị Thùy	70	78	7,5	Bảy rưỡi	
71	Trần Thị Thủy	71	77	8,0	Tám	
72	Hà Thị Thủy	72	42	7,0	Bảy	
73	Lê Văn Tiến	73	07	7,0	Bảy	
74	Hứa Đức Tiệp	74	76	7,0	Bảy	
75	Lưu Viết Toại	75	75	7,0	Bảy	
76	Nông Thị Trang	76	74	7,5	Bảy rưỡi	
77	Nguyễn Khắc Trung	77	73	7,0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
78	Dương Quang Tú	78	84	7,5	Bảy rưỡi	
79	Dương Văn Tuấn	79	83	7,5	Bảy rưỡi	
80	Nguyễn Anh Tuấn	80	82	8,0	Tám	
81	Lương Thanh Tùng	81	81	7,0	Bảy	
82	Lý Văn Tuyền	82	80	7,0	Bảy	
83	Hà Thị Tuyền	83	79	7,0	Bảy	
84	Mai Thị Ước	84	02	7,5	Bảy rưỡi	
85	Bùi Ngọc Vĩnh	85	87	7,0	Bảy	
86	Lý Đức Võ	86	86	7,0	Bảy	
87	Ma Tuấn Xem	87	85	7,0	Bảy	
88	Lưu Thị Nhung	88	-	-	-	Đã thi

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA XDĐ
TRƯỞNG KHOA**



Ngô Thị Hồng Nhung

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên